

Số: 06/QĐ-THĐL

Đặng Lâm, ngày 21 tháng 1 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học kỳ I năm học 2024 - 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của kế toán nhà trường, các đoàn thể trong nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước và các khoản thu học kỳ I năm học 2024 – 2025 (Biểu 6.3)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng, bộ phận kế toán tài chính và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT, ...



Phạm Thị Thúy Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐĂNG LÂM

Biểu mẫu 6.3

Chương: 622

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ CÁC KHOẢN THU

Học kỳ 1 năm học 2024 - 2025

(Quyết định số 6/QĐ-THĐL ngày 24/01/2025 của Trường Tiểu học Đăng Lâm)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện học kỳ I	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện học kỳ I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí	19.856.282	9.917.057	50%	
1	Học phí (nếu có)	0	0		
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
4	Dịch vụ trông giữ xe, căn tin, bán trú...				
4.1	Trông giữ xe đạp học sinh				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.1.2	Mức thu (tháng)	30	30		
4.1.3	Tổng số thu trong kỳ	94.500	40.440	43%	167%
4.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	94.500	40.440	43%	167%
4.1.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	94.500	40.440	43%	167%
4.1.6	Số chi trong kỳ	94.500	30.330	32%	179%
	Trong đó: - Chi trông coi xe 70%	66.150	28.308	43%	167%
	Nộp thuế: 10%	9.450	2.022	21%	
	Chi cơ sở vật chất 20%	18.900		0%	
4.1.7	Số dư cuối kỳ	0	10.110		
4.2	Nước uống tinh khiết cho học sinh				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.2.2	Số học sinh	2.397	2.397	100%	105%
4.2.2	Mức thu (kỳ)	90	50	56%	100%
4.2.3	Tổng số thu trong kỳ	215.730	119.850	56%	105%
4.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	215.460	119.850	56%	105%
4.2.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	215.460	119.850	56%	105%
4.2.6	Số chi trong kỳ	215.460	119.850	56%	105%
4.2.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
4.3	Tiền ăn				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.3.1	Số học sinh	1.980	1.980	100%	108%
4.3.2	Mức thu (ngày)	30	30	100%	100%
4.3.3	Tổng số thu trong kỳ	5.768.500	2.563.740	44%	108%
4.3.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	5.768.500	2.563.740	44%	108%
4.3.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	5.768.500	2.563.740	44%	108%

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện học kỳ I	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện học kỳ I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
4.3.6	Số chi trong kỳ	5.768.500	2.563.740	44%	108%
4.3.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
4.4	Hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú				
4.4.1	Số học sinh	1.980	1.980		
4.4.2	Mức thu (năm)	K1: 360, K2,K3,K4:200, K5: 160	K1: 360, K2,K3,K4:200, K5: 160		
4.4.3	Tổng số thu trong kỳ	472.040	472.040	100%	134%
4.4.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	472.040	472.040	100%	134%
4.4.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	472.040	472.040	100%	134%
4.4.6	Số chi trong kỳ	472.040	368.053	78%	140%
4.4.7	Số dư cuối kỳ	0	103.987		
4.5	Hỗ trợ CSVC, điện nước lớp học 2 buổi/ngày				
4.5.1	Số học sinh	2.050	2.050	100%	
4.5.2	Mức thu (tháng)	K1,2,3,4: 30 K5: 24	K1,2,3,4: 30 K5: 24		
4.5.3	Tổng số thu trong kỳ	609.786	271.434	45%	161%
4.5.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	609.786	271.434	45%	161%
4.5.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	609.786	271.434	45%	161%
4.5.6	Số chi trong kỳ	609.786	271.434	45%	167%
4.5.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
4.6	Chăm sóc bán trú				
4.6.1	Số học sinh	1.980	1.980		
4.6.2	Mức thu (tháng)	K1,2,3,4: 150 K5: 120	K1,2,3,4: 150 K5: 120		
4.6.3	Tổng số thu trong kỳ	2.681.900	1.198.170	45%	116%
4.6.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	2.681.900	1.198.170	45%	114%
4.6.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	2.681.900	1.198.170	45%	114%
4.6.6	Số chi trong kỳ	2.681.900	1.198.170	45%	114%
4.6.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
4.7	Quản lý học sinh ngoài giờ				
4.7.1	Số học sinh	2.310	2.310		
4.7.2	Mức thu (tháng)	K1,2,3,4: 240, K5:170	K1,2,3,4: 240, K5:170		
4.7.3	Tổng số thu trong kỳ	4.519.750	1.926.020	43%	100%
4.7.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	4.519.750	1.926.020	43%	100%
4.7.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	4.519.750	1.926.020	43%	100%
4.7.6	Số chi trong kỳ	4.519.750	1.943.119	43%	100%
4.7.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
5	Liên kết giáo dục: kỹ năng sống, tiếng anh có yếu tố nước ngoài.				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện học kỳ I	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện học kỳ I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
5.1	Kỹ năng sống				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu (tháng)	50	50		
5.1.3	Tổng số thu trong kỳ	860.000	340.750	40%	81%
5.1.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	860.000	419.452	49%	100%
5.1.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	860.000	420.576	49%	100%
5.1.6	Số chi trong kỳ	860.000	419.452	49%	100%
	Trong đó: - Chi thanh toán trả trung tâm	688.000	335.562	49%	96%
	- Chi công tác quản lý	34.400	16.778	49%	123%
	- Chi cho Giáo viên	86.000	41.945	49%	103%
	- Chi phúc lợi	48.160	23.552	49%	
	- Chi nộp thuế	3.440	1.682	49%	106%
5.1.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
5.2	Tiếng anh có yếu tố nước ngoài				
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	6.372		
5.2.2	Mức thu (tháng)	150	150		
5.2.3	Tổng số thu trong kỳ	2.640.000	1.008.300	38%	78%
5.2.4	Tổng số kinh phí được sử dụng trong kỳ	2.640.000	1.008.300	38%	78%
5.2.5	Tổng số kinh phí được nộp vào Kho bạc, ngân hàng	2.640.000	1.008.300	38%	78%
5.2.6	Số chi trong kỳ	2.640.000	1.008.300	38%	79%
	Trong đó: - Chi thanh toán trả trung tâm	2.112.000	806.640	38%	74%
	- Chi công tác quản lý	142.560	54.448	38%	91%
	- Chi cho Giáo viên	142.560	54.448	38%	84%
	- Chi phúc lợi	232.320	88.730	38%	168%
	- Chi nộp thuế	10.560	4.033	38%	32%
5.2.7	Số dư cuối kỳ	0	0		
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, đoàn, đội, đồng phục, sách vở				
6.1	Bảo hiểm y tế				
6.1.1	Số học sinh	2.294	2.150	94%	
6.1.2	Mức thu (năm học)				
6.1.3	Tổng thu	1.994.076	1.976.313	99%	136%
6.1.4	Đã chi (Nộp 100% về BHXH quận Hải An)	1.994.076	1.976.313	99%	136%
6.1.5	Tồn cuối kỳ	0			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện học kỳ I	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện học kỳ I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách Nhà nước				
1	Trông giữ xe đạp học sinh	94.500	40.440	43%	167%
2	Chăm sóc bán trú	2.681.900	1.198.170	45%	114%
3	Quản lý học sinh ngoài giờ	4.519.750	1.926.020	43%	100%
4	Kỹ năng sống	860.000	420.576	49%	100%
5	Tiếng anh có yếu tố nước ngoài	2.640.000	1.008.300	38%	78%
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	20.597.000	4.282.310	21%	96%
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.390.000	4.282.310	21%	96%
	Chi thanh toán cá nhân				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện học kỳ I	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện học kỳ I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	207.000	0		
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Ph. Đăng Lâm, ngày 21 tháng 1 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Dương Minh Nguyệt

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Thúy Hải

